

Bản án số: 295/2019/HNGĐ-ST

Ngày 02 - 4 - 2019

V/v ly hôn

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN QUẬN B, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Hoàng Mai.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Bình.
2. Bà Nguyễn Thị Lương.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Hải Sâm là Thư ký Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Bà Trần Ngọc Ánh - Kiểm sát viên.

Ngày 02 tháng 4 năm 2019, tại phòng xử án của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 1117/2018/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 12 năm 2018 về tranh chấp ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 18 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Nguyễn M, sinh năm 1955; Trú tại 21/3 đường H, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Bị đơn: Ông Đoàn K, sinh năm 1962; Trú tại 21/3 đường H, Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

(Bà M, ông K có mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện ngày 19 tháng 10 năm 2018 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn - bà Nguyễn M trình bày:

Bà và ông K tự nguyện chung sống, có tổ chức lễ cưới và có đăng ký kết hôn theo Giấy chứng nhận kết hôn số 01/P10, quyền số 58/1995-TH do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/1995. Vợ chồng chung sống bình thường đến năm 2010 thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do ông K sống không có tình nghĩa, không chăm sóc bà lúc ốm

đau, cha mẹ vợ nằm viện không đi thăm, tính toán tiền bạc chi li, bà bệnh nhờ chở đi bệnh viện thì lấy tiền công không đưa tiền là không chở, sinh hoạt cuộc sống thường nhật rất bừa bộn, bà góp ý thì kiếm chuyện hăm dọa sẽ quậy phá, đồ đạc trong nhà bị hư ông K không quan tâm sửa chữa, bà nhiều lần yêu cầu nhưng ông K không làm và bà phải nhờ người khác làm giúp. Rất nhiều mâu thuẫn nhỏ nhất phát sinh trong quá trình chung sống, khiến vợ chồng thường xuyên cãi nhau, trong mọi việc bà phải luôn nhường nhịn ông K để yên cửa yên nhà. Cuộc sống quá ngột ngạt nên vợ chồng đã ly thân từ năm 2010. Năm 2011 bà có nộp đơn yêu cầu ly hôn, do Tòa hòa giải và ông K hứa sửa đổi nên bà rút đơn. Tuy nhiên, từ đó đến nay vợ chồng vẫn ly thân mạnh ai nấy sống, không ai quan tâm ai, do vẫn sống chung một nhà nên hai bên vẫn cãi nhau từ chuyện nhỏ mỗi ngày. Trong thời gian này ông K đã có người phụ nữ khác bên ngoài bà nhiều lần bắt gặp. Nay cảm thấy mục đích hôn nhân không đạt được, sức chịu đựng không còn nên bà M yêu cầu được ly hôn với ông K để ổn định tinh thần tuổi già.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Thị B, sinh năm 1996. Con chung đã thành niên.

Về tài sản chung và nợ chung: Bà M khai không có.

Bị đơn - ông Đoàn K trình bày:

Ông thông nhất ý kiến về thời gian chung sống, kết hôn như bà M trình bày. Về mâu thuẫn vợ chồng, ông nhận thấy hai bên vẫn sống bình thường, không phát sinh mâu thuẫn. Căn nhà đang ở là nhà riêng của bà M, vì vậy trong quá trình chung sống, ông đã nhiều lần nhường nhịn nhưng bà M vẫn không vừa lòng. Khi con còn nhỏ, ông một mình đưa đón con đi học, đóng tiền học cho con, cùng góp chi phí sửa chữa khi nhà có hư hỏng. Việc bày bừa trong nhà thì từ từ dọn, bà M cũng bày bừa và đồ của bà M nhiều hơn đồ của ông. Việc chở bà M đi bệnh viện, ông không đòi tiền công mà do bà M tự đưa và nói là tiền xăng nên ông lấy. Việc bà M cho rằng ông ngoại tình là không có, do ông chạy xe ôm thường xuyên chở khách nữ quen nên bà M nghi ngờ chứ không có bằng chứng. Từ năm 2011 đến nay, sau khi bà M rút đơn ly hôn vợ chồng vẫn mạnh ai nấy sống, ăn riêng, ngủ riêng, tiền chi phí sinh hoạt gia đình chia đôi, tất cả là do bà M yêu cầu nên ông làm theo, thật lòng ông không muốn. Nay bà M yêu cầu ly hôn ông không đồng ý vì còn tình cảm với vợ con, đề nghị Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ.

Về con chung: Có 01 con chung tên Đoàn Thị B, sinh năm 1996. Con chung đã thành niên.

Về tài sản chung: Ông K khai không có. Về chi phí sửa chữa mỗi khi nhà hư hỏng xuống cấp: Ông K không có yêu cầu gì trong vụ kiện này.

Về nợ chung: Ông K khai không có.

Tại phiên tòa hôm nay:

Nguyên đơn vẫn giữ nguyên ý kiến như trên.

Bị đơn xác nhận thời gian ly thân từ năm 2018, không phải từ năm 2011 như đã trình bày trước đây, giữ nguyên ý kiến không đồng ý ly hôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân quận B phát biểu:

- Về tố tụng: Việc chấp hành pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử là đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Tòa án thụ lý vụ án là đúng thẩm quyền, xác định đúng tư cách pháp lý của những người tham gia tố tụng, quan hệ pháp luật tranh chấp. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự về phiên tòa sơ thẩm như: nguyên tắc xét xử, thành phần Hội đồng xét xử, sự có mặt của các thành viên Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa, sự có mặt của những người tham gia tố tụng tại phiên tòa.

- Về nội dung: Căn cứ tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa đã đủ cơ sở chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về áp dụng pháp luật tố tụng:

[1.1] Về thẩm quyền giải quyết: Bà Nguyễn M có đơn xin ly hôn ông Đoàn K, đây là quan hệ tranh chấp về hôn nhân và gia đình - bị đơn ngụ tại quận B, theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự (sau đây viết tắt là BLTTDS) thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh.

[1.2] Về việc tham gia phiên tòa của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân quận B: Trong vụ án này, Tòa án có tiến hành thu thập chứng cứ nên Viện Kiểm sát nhân dân quận B tham gia phiên tòa sơ thẩm theo quy định tại Điều 21 BLTTDS.

[2] Về nội dung vụ án:

[2.1] Xét yêu cầu của nguyên đơn, Hội đồng xét xử thấy:

[2.1.1] Về hôn nhân:

Căn cứ vào Giấy chứng nhận kết hôn số 01/P10, quyển số 58/1995-TH do Ủy ban nhân dân Phường M, quận B, Thành phố Hồ Chí Minh cấp ngày 15/12/1995 thì quan hệ hôn nhân giữa nguyên đơn và bị đơn là hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ.

Nguyên đơn và bị đơn chung sống trên cơ sở tự nguyện. Theo trình bày của nguyên đơn thì sau thời gian chung sống, hai bên phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong sinh hoạt gia đình; Năm 2010, vợ chồng sống ly thân mặc dù vẫn ở chung nhà. Đến năm 2011, nguyên đơn nộp đơn ly hôn, sau đó bà

đã rút đơn nhằm cho bị đơn cơ hội thay đổi nhưng bị đơn không thay đổi nên hai bên tiếp tục sống ly thân đến nay, vì sống chung nhà nên hai bên vẫn cãi nhau từ chuyện nhỏ mỗi ngày. Bản thân nguyên đơn hiện nay nhiều bệnh như cao huyết áp, bệnh tim cần phải dưỡng sức, nhưng sống chung với bị đơn khiến bệnh nặng hơn vì ức chế. Theo bị đơn trình bày, vợ chồng chung sống bình thường, không phát sinh mâu thuẫn, do nguyên đơn yêu cầu nên từ năm 2011 đến nay, vợ chồng ăn riêng, ngủ riêng, tiền chi phí sinh hoạt gia đình chia đôi. Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn khẳng định không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn và giữ nguyên yêu cầu ly hôn, bị đơn khẳng định còn tình cảm vợ chồng với nguyên đơn, hai bên chỉ mới ly thân từ năm 2018 và không đồng ý ly hôn.

Xét mâu thuẫn vợ chồng giữa nguyên đơn và bị đơn, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Vợ chồng có nghĩa vụ thương yêu, tôn trọng, quan tâm, chăm sóc, giúp đỡ nhau mọi mặt trong cuộc sống; Nhưng ở đây, nguyên đơn và bị đơn đã không làm được điều này; Khi có mâu thuẫn xảy ra, hai bên không đặt mình vào vị trí đối phương để có thể thấu hiểu, cảm thông và tha thứ cho nhau, cùng nhau giải quyết mâu thuẫn trong ôn hòa; Thay vào đó, mỗi bên chọn cuộc sống riêng theo cách của mình, không cùng nhau vượt qua được khó khăn, bỏ mặc vợ chồng muốn sống ra sao thì sống, không ai quan tâm ai.

Về phía nguyên đơn, vì không còn tình cảm vợ chồng với bị đơn nên khi phát sinh mâu thuẫn, dù chỉ là nhỏ, bà cũng không bỏ qua khiến vợ chồng thường xuyên lời qua tiếng lại, dẫn đến hôn nhân không còn hạnh phúc, chỉ còn là chịu đựng.

Về phía bị đơn, ông cho rằng căn nhà đang ở là nhà riêng của nguyên đơn nên trong quá trình chung sống, nguyên đơn có đối xử thế nào bị đơn cũng cố nhường nhịn, dù vậy nguyên đơn vẫn không vừa lòng. Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn giữ nguyên ý kiến mong muốn Tòa án hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Tuy nhiên, bị đơn không chủ động hòa giải với nguyên đơn, không để tâm tìm hiểu lý do tại sao nguyên đơn không còn tình cảm vợ chồng, không đưa ra được phương án gì để giải quyết dứt điểm mâu thuẫn, đồng thời không nhìn thấy được khuyết điểm của bản thân và thay đổi để cuộc sống hôn nhân tốt hơn, bị đơn chỉ biết thuận theo ý muốn của nguyên đơn. Điều này cho thấy, suốt quá trình chung sống, bị đơn thiếu quan tâm, vun đắp, xây dựng tình cảm vợ chồng khiến khoảng cách giữa hai bên ngày càng xa, thể hiện qua việc ông bà đã ly thân từ năm 2010 (theo bà M trình bày) và từ năm 2018 (theo ông K trình bày) đến nay.

Như vậy, có cơ sở để cho thấy nguyên đơn và bị đơn đã vi phạm nghiêm trọng nghĩa vụ của vợ chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, nếu kéo dài cũng không mang lại hạnh phúc, mục đích của hôn nhân không đạt được, vì vậy yêu cầu của nguyên đơn là có căn cứ theo quy định tại khoản 1 Điều 56 của Luật Hôn nhân và gia đình nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[2.1.2] *Về con chung*: Có 01 con chung tên Đoàn Thị B, sinh năm 1996. Con chung đã thành niên.

[2.1.3] *Về tài sản chung*: Hai bên khai không có.

[2.1.4] *Về nợ chung*: Hai bên khai không có.

[2.2] *Về ý kiến của Viện Kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh*: Yêu cầu của nguyên đơn là phù hợp theo quy định pháp luật, đề nghị Tòa án chấp nhận toàn bộ yêu cầu của nguyên đơn. Hội đồng xét xử nhận thấy quan điểm của Viện Kiểm sát nhân dân quận B, Thành phố Hồ Chí Minh là đúng quy định pháp luật nên chấp nhận.

[2.3] *Từ phân tích nêu trên*, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, 56 Luật Hôn nhân và Gia đình chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn về quan hệ hôn nhân, con chung, tài sản chung và nợ chung.

[3] *Về án phí*: Án phí ly hôn sơ thẩm 300.000 đồng do nguyên đơn chịu toàn bộ.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 271, khoản 1 Điều 273, khoản 1 Điều 280 của Bộ luật Tố tụng Dân sự;
- Điều 51, 56 của Luật Hôn nhân và Gia đình;
- Điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn bà Nguyễn M:
 - *Về hôn nhân*: Cho ly hôn giữa bà Nguyễn M và ông Đoàn K.
 - *Về con chung*: Có 01 con chung tên Đoàn Thị B, sinh năm 1996. Con chung đã thành niên.
 - *Về tài sản chung*: Không có.
 - *Về nợ chung*: Không có.

2. *Về án phí*:

Án phí ly hôn sơ thẩm bà Nguyễn M phải chịu 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án bà M đã nộp là 300.000 (Ba trăm ngàn) đồng theo biên lai số 0037445 ngày 27/11/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự quận B. Bà M đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

3. *Về quyền kháng cáo*:

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp, Viện kiểm sát nhân dân cấp trên được quyền kháng nghị theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

4. Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp;
- UBND Phường M, Q. TB, TP. HCM;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Trương Thị Hoàng Mai